

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 12 – 2025.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hiến.
- Ông Phạm Gắng .

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 188/2025/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim T (tên gọi khác: Phan Thị Bạch T1), sinh năm 1978.

Nơi cư trú: thôn D, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: thôn D, xã T, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện Tòa án đề ngày 10/9/2025 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Kim T (Phan Thị Bạch T1) trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 và ông T2 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên vào ngày 11/11/1998.

Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không còn sống chung với nhau cách đây 10 năm. Nay bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2.

Về con chung: Có 03 con chung, tên: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 15/11/1999; Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/11/2001 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 27/5/2006. Các con đã thành niên, có khả năng lao động nên bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai của đương sự lập ngày 10/12/2025 và bảng trình bày nguyện vọng lập ngày 29/12/2025, bị đơn ông Nguyễn Văn T2 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông T2 đồng ý ly hôn với bà T1.

Về con chung: Có 03 con chung, tên: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 15/11/1999; Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/11/2001 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 27/5/2006. Các con đã thành niên, có khả năng lao động nên ông T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T2 yêu cầu xét xử vắng mặt và không hòa giải.

Tại phiên toà:

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắc Lắc phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt; đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông T2. Về con chung: Có 03 con chung, tên: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 15/11/1999; Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/11/2001 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 27/5/2006. Các con đã thành niên, có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phan Thị Kim T (Phan Thị Bạch T1) yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T2. Bị đơn ông Nguyễn Văn T2 cư trú tại thôn D, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án “Ly hôn” trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắk Lắk.

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T1 và ông T2 đều thống nhất xác định tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và được UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/11/1998 tại số E, quyển số A (BL 03), đây là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T1 yêu cầu ly hôn với ông T2.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T1 giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T2 và ông T2 cũng đồng ý ly hôn với bà T1. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T1 và ông T2 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông T2.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung, tên: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 15/11/1999; Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/11/2001 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 27/5/2006, các con đã thành niên, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Kim T (tên gọi khác Phan Thị Bạch T1).

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Kim T (tên gọi khác Phan Thị Bạch T1) đối với ông Nguyễn Văn T2.

2. Về con chung: Có 03 con chung, tên: Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 15/11/1999; Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/11/2001 và Nguyễn Văn H2, sinh ngày 27/5/2006, các con

đã thành niên, có khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Kim T (Phan Thị Bạch T1) phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí bà T1 nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003429 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk(1)
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk (2)
- Phòng THADS khu vực 14 - Đắk Lắk (1)
- Các đương sự (2)
- UBND xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
(nay là UBND xã Tuy An Đông, tỉnh Đắk Lắk) –
GCNKH số 51, quyền số 01/18 ngày 11/11/1998.
- Lưu hồ sơ (2);
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Ngọc Hà